

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định giá dịch vụ sử dụng đò
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định giá dịch vụ sử dụng đò trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Đối tượng không thu dịch vụ sử dụng đò: xe cứu thương; cứu hỏa; xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp; xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dùng phục vụ cho quốc phòng, an ninh; đoàn xe đưa tang; đoàn xe hộ tống, dẫn đường; xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa đến những nơi bị thảm họa hoặc vùng có dịch bệnh; người và phương tiện đi lại của học sinh đi học hàng ngày; trẻ em dưới 10 tuổi; thương bệnh binh và người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có giấy chứng nhận do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Điều 2. Quy định về mua vé tháng

1. Đối tượng mua vé tháng: người đi bộ; người đi xe đạp, xe đạp điện; người đi xe gắn máy, xe mô tô, xe điện 02 bánh.

2. Thời gian áp dụng: vé tháng được phát hành trong tháng, kể từ ngày 01 đến ngày kết thúc tháng theo thời hạn ghi trên vé, không phân biệt thời gian ban ngày hay ban đêm.

Điều 3. Giá dịch vụ sử dụng đò

1. Đò được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Số TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Giá đã bao gồm thuế VAT, phí bảo hiểm hành khách	Ghi chú
A	Ban ngày			
I	Khoảng cách đến 0,5 km			
1	Hành khách đi bộ	đồng/người	1.000	
2	Hành khách đi xe đạp, xe đạp điện, các loại xe tương tự	đồng/người +xe	1.500	Hành khách đi theo xe (kể từ người thứ 02) và hành lý, hàng hóa theo xe phải mua vé hành khách đi bộ và hành lý, hàng hóa
3	Hành khách đi xe gắn máy, xe mô tô, xe điện 02 bánh, các loại xe tương tự	đồng/người +xe	2.000	
4	Xe thô sơ	đồng/người +xe	3.000	
5	Ô tô đến 05 chỗ ngồi	đồng/lượt	15.000	
6	Ô tô trên 05 chỗ đến dưới 16 chỗ ngồi	đồng/lượt	20.000	Tính cho người, xe và hàng hóa trên xe
7	Ô tô 16 chỗ ngồi trở lên	đồng/lượt	25.000	
8	Xe tải và các loại xe chuyên dùng có tải trọng dưới 03 tấn	đồng/lượt	15.000	
9	Xe tải và các loại xe chuyên dùng có tải trọng từ 03 tấn đến dưới 05 tấn	đồng/lượt	20.000	
10	Xe tải và các loại xe chuyên dùng có tải trọng từ 5 tấn trở lên	đồng/lượt	25.000	
11	Hành lý, hàng hóa theo xe mô tô			
11.1	Từ 50 kg đến 100 kg hoặc công kênh chiếm diện tích từ 01 m ² đến 02m ²	đồng/lượt hàng hóa	1.000	
11.2	Trên 100 kg hoặc công kênh chiếm diện tích trên 02 m ²	đồng/lượt hàng hóa	2.000	

II	Khoảng cách trên 0,5 km đến 01km			
1	Hành khách đi bộ	đồng/người	1.000	
2	Hành khách đi xe đạp, xe đạp điện, các loại xe tương tự	đồng/người +xe	1.500	Hành khách đi theo xe (kể từ người thứ 02) và hành lý, hàng hóa theo xe phải mua vé hành khách đi bộ và hành lý, hàng hóa
3	Hành khách đi xe gắn máy, xe mô tô, xe điện 02 bánh, các loại xe tương tự	đồng/người +xe	3.000	
4	Xe thô sơ	đồng/người +xe	4.000	
5	Ô tô đến 05 chỗ ngồi	đồng/lượt	20.000	
6	Ô tô trên 05 chỗ đến dưới 16 chỗ ngồi	đồng/lượt	25.000	Tính cho người, xe và hàng hóa trên xe
7	Ô tô 16 chỗ ngồi trở lên	đồng/lượt	30.000	
8	Xe tải và các loại xe chuyên dùng có tải trọng dưới 03 tấn	đồng/lượt	20.000	
9	Xe tải và các loại xe chuyên dùng có tải trọng từ 03 tấn đến dưới 05 tấn	đồng/lượt	25.000	
10	Xe tải và các loại xe chuyên dùng có tải trọng từ 05 tấn trở lên	đồng/lượt	30.000	
11	Hành lý, hàng hóa theo xe mô tô			
11.1	Từ 50 kg đến 100 kg hoặc công kênh chiếm diện tích từ 01 m ² đến 02m ²	đồng/lượt hàng hóa	1.500	
11.2	Trên 100 kg hoặc công kênh chiếm diện tích trên 02 m ²	đồng/lượt hàng hóa	3.000	
III	Khoảng cách trên 01 km			
1	Hành khách đi bộ	đồng/người	1.000	Tính thêm cho mỗi km ngoài 01 km đầu
2	Xe đạp, xe đạp điện, các loại xe tương tự	đồng/người +xe	1.500	
3	Xe gắn máy, xe mô tô, xe điện 02 bánh, các loại xe tương tự	đồng/người +xe	2.000	
4	Xe thô sơ	đồng/người +xe	3.000	
5	Ô tô đến 05 chỗ	đồng/lượt	5.000	

6	Ô tô trên 05 chỗ đến dưới 16 chỗ ngồi	đồng/lượt		
7	Ô tô 16 chỗ ngồi trở lên	đồng/lượt		
8	Xe tải và các loại xe chuyên dùng có tải trọng dưới 03 tấn	đồng/lượt		
9	Xe tải và các loại xe chuyên dùng có tải trọng từ 03 tấn đến dưới 05 tấn	đồng/lượt		
10	Xe tải và các loại xe chuyên dùng có tải trọng từ 05 tấn trở lên	đồng/lượt		
11	Hành lý, hàng hóa theo xe mô tô	đồng/lượt hàng hóa	1.000	
B	Ban đêm (từ sau 19 giờ ngày hôm trước đến trước 05 giờ ngày hôm sau)	Bằng 02 lần mức thu vé lượt đối với từng đối tượng tương ứng (trừ vé tháng)		
C	Vé tháng	Bằng 30 lần mức giá dịch vụ ban ngày, tương ứng với từng loại đò và từng loại đối tượng		

Đối với các bến đò khi nâng cấp đủ điều kiện hoạt động vận tải chở hành khách và xe ô tô trên 16 chỗ ngồi, xe tải phải được cơ quan quản lý nhà nước về giao thông vận tải cấp phép hoạt động; cơ quan quản lý nhà nước về giao thông vận tải có trách nhiệm kiểm tra đối với các bến đò trong việc tuân thủ các quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật Giao thông đường bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan hiện hành.

Đối với các bến đò liên huyện (phạm vi khác tỉnh) cần phải có sự thỏa thuận thực hiện theo quy định mức thu giá dịch vụ của 01 trong 02 tỉnh có liên quan; trường hợp không thỏa thuận được thì bến đò thuộc tỉnh Đồng Tháp thực hiện thu theo mức giá quy định tại Quyết định này.

2. Đò được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, mức thu tối đa không quá mức giá dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 4. Đấu giá quyền khai thác dịch vụ sử dụng đò

1. Các bến đò được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, phải thực hiện đấu giá quyền khai thác dịch vụ sử dụng đò theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định thành lập Hội đồng đấu giá đối với các bến đò thuộc nguồn thu ngân sách huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Hội đồng đấu giá đối với các bến đò thuộc nguồn thu ngân sách xã.

3. Trình tự, thủ tục đấu giá quyền khai thác dịch vụ sử dụng đồ thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

2. Quyết định số 72/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc quy định về giá dịch vụ sử dụng đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH đơn vị Tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT/UBND Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử Tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, KTTH.HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Phúc